

Bản án số: **832/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 27 – 12 – 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh;

Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tú Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H bị ông Nguyễn Tuấn C kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5752/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15622/2022/QĐHPT – HNGĐPT ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Nguyễn Mai T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số 99 đường NTM, Phường X, Quận Y, Thành phố H;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Nguyễn Mai T: Ông Nguyễn T – Luật sư Công ty Luật TNHH ĐPL.

Địa chỉ: Số 19B đường CBN, phường NCT, Quận A, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Căn 1 tầng 25 Block A2 chung cư Topaz City, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/3/2022, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/6/2022 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Nguyễn Mai T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Tuấn C kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố MT, tỉnh TG. Mâu thuẫn gia đình phát sinh nguyên nhân do ông C nhiều lần có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai cũng đã nhiều cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không còn chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Sau khi bà T phát hiện ông C tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác vào đầu năm 2020, bà T và ông C **sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay. Hiện nay, dù cả hai sống chung nhà nhưng mỗi người ở phòng riêng, không ăn chung, không sinh hoạt chung, không giao tiếp nói chuyện, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân ngày càng nặng nề, bà T đã hết tình cảm và niềm tin với ông C nên không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay.** Vì vậy, bà T nộp đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn C để giải thoát cho cả hai về mặt pháp lý và tinh thần.

- Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi sống ly thân đến nay, không có sự cấp dưỡng của ông C, bà T vẫn đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con.

- Về tài sản chung: Bà T yêu cầu được thoả thuận về tài sản chung với ông C, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào có tranh chấp các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Bà T xác định giữa bà T và ông C có khoản nợ chung tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018, dư nợ tính đến ngày 24/6/2022 là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Bà T yêu cầu Tòa án xác định đây là nợ chung của bà T và ông C trong thời kỳ hôn nhân và cả hai cùng có trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo lịch trình thanh toán đã thoả thuận. Bà T xin rút lại yêu cầu phân chia số nợ như đã trình bày tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 23/6/2022 đã nộp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Tuấn C có bản tự khai thể hiện ý kiến:

Ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Nguyễn Mai T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố MT, tỉnh TG. Giữa ông C và bà T có một người con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, ông C không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương vợ con, mâu thuẫn gia đình chỉ là bất hòa giữa vợ chồng như bao gia đình khác. Vì vậy, ông C chưa muốn thể hiện ý kiến, nguyện vọng về việc giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngày 11/01/2022, khi Tòa án tiến hành lấy ý kiến của trẻ Nguyễn Tuấn P để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung, ông C tuy thừa nhận 02 bản tự khai cùng

ngày 11/01/2022 là của Nguyễn Tuấn P viết nhưng không đồng ý với nội dung được ghi trong bản tự khai của trẻ P. Để khách quan, Toà án đã tiến hành lập biên bản làm việc với bà T, ông C và trẻ P. Sau khi lập biên bản ghi nhận ý kiến của các bên xong, Toà án đã tạo điều kiện để các bên đọc lại nội dung biên bản, ông C tự đọc lại và yêu cầu được viết vào bản thảo biên bản để chỉnh sửa nội dung ý kiến của ông C. Trong thời gian Toà án chỉnh sửa biên bản làm việc theo yêu cầu chỉnh sửa của ông C và in biên bản, ông C tự ý bỏ về không ký vào biên bản làm việc ngày 11/01/2022. Do đó, biên bản làm việc ngày 11/01/2022 tuy có ghi nhận ý kiến của bà T, ông C và trẻ P nhưng chỉ có chữ ký xác nhận của bà T và trẻ P mà không có chữ ký xác nhận của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án có đại diện là ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Ngân hàng xác nhận giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có cho ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Nguyễn Mai T vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ngày 18/5/2018. Tính đến ngày 24/6/2022 dư nợ hiện nay của hợp đồng vay trên của ông C và bà T là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký, ông C và bà T có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và nợ gốc khoản vay trên theo từng tháng với phương thức lãi giảm dần trên dư nợ gốc với lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng đã ký. Riêng tiền nợ gốc theo thỏa thuận ông C và bà T thanh toán mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) đến ngày 05/11/2025, từ sau ngày 05/11/2025, ông C và bà T có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc mỗi tháng là 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến hôm nay, phía bên vay là ông C và bà T chưa có bất kỳ vi phạm nào về thời hạn và số tiền phải thanh toán.

Nay bà T khởi kiện ly hôn với ông C và có yêu cầu giải quyết về khoản nợ chung mà bà T và ông C đã vay tại Ngân hàng, Ngân hàng xác nhận đây là khoản vay chung của bà T và ông C và cả hai cùng phải có nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên theo đúng thỏa thuận đã ký giữa các bên. Do hiện nay, bên vay chưa có bất kỳ vi phạm gì nên Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với khoản nợ chung của bà T và ông C tại Ngân hàng. Trường hợp có vi phạm hoặc có tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Mai T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông C không đồng ý ly hôn với bà T do vẫn còn thương vợ, thương con. Việc ông C có mối quan hệ với những người phụ nữ khác là có nhưng nguyên nhân do công việc và chỉ là quan hệ xã hội, ông C mong muốn bà T tha thứ để vợ chồng đoàn tụ vì từ khi bà T phát hiện sự việc đến nay ông C đã từ bỏ các mối quan hệ đó. Ngoài ra, ông C còn cho rằng việc bà T yêu cầu ly hôn ông C với lý do không còn tình cảm, niềm tin với ông C là không chính xác. Mà nguyên nhân chính là bà T có quan hệ tình cảm với người đồng giới. Dù tình trạng hôn nhân hiện nay giữa ông C và bà T ở chung nhà, nhưng mỗi người một phòng riêng, không ăn

chung, sinh hoạt chung, nhưng hàng ngày ông C vẫn lo chăm sóc dọn dẹp nhà cửa, ông C mong muốn gia đình có thêm thành viên nhưng bà T không đồng ý.

Về con chung: Ông C xác nhận giữa ông C và bà T có một người con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009. Nếu trường hợp phải ly hôn, ông C mong muốn sẽ là người trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Do không đồng ý với việc ly hôn, ông C trình bày không đưa ra ý kiến, quan điểm về vấn đề tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Ông C xác định giữa ông C và bà T có khoản nợ chung tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ngày 18/5/2018. Từ thời điểm vay đến nay, bên vay thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Nay bà T khởi kiện ly hôn, ông C vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn nên vấn đề tài sản chung, nợ chung ông C không đưa ra ý kiến, yêu cầu cụ thể, không có tranh chấp gì với bà T. Ông C đề nghị giữ nguyên tình trạng về tài sản chung và nợ chung như hiện nay.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H đã nhận định:

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, bà T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông C không chung thủy, đã nhiều lần bà T phát hiện ông C có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà T vẫn cho ông C có cơ hội sửa đổi nhưng ông C vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2020, bà T lại phát hiện ông C tiếp tục có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn giữa bà T và ông C thêm trầm trọng. Do đó, bà T không còn sống chung như vợ chồng với ông C từ tháng 3/2020 cho đến nay, mặc dù ở chung nhà nhưng cả hai đã sinh hoạt riêng, mỗi người ở một phòng, không ăn chung, các chi phí sinh hoạt, điện nước, nợ vay... đều được bà T chia đôi chi phí với ông C. Hiện nay, bà T không còn niềm tin và tình cảm với ông C. Cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, việc tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay gây áp lực về thể xác và tinh thần cho các bên, dù Tòa án đã nhiều lần hòa giải động viên bà T vẫn cương quyết mong muốn ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông C. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà T là có căn cứ cần giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn C không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng vẫn còn thương vợ con. Ông C xin lỗi và mong muốn bà T tha thứ cho sai lầm của ông C khi có các mối quan hệ ngoài hôn nhân và muốn gia đình đoàn tụ vì các mối quan hệ mà bà T cho rằng ông C không chung thủy chỉ là vì công việc làm ăn, quan hệ xã hội. Đồng thời, ông C cho rằng nguyên nhân bà T muốn ly hôn với ông C không phải xuất phát từ việc bà T hết tình cảm, niềm tin với ông C mà nguyên nhân chính là do bà T có quan hệ tình cảm với người đồng giới. Ông C còn nêu quan điểm: Hôn nhân gia đình không chỉ là mối quan hệ giữa vợ chồng mà còn nghĩa vụ với con, với hai bên gia đình nên không thể ly hôn.

Xét thấy, ông C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng vẫn vắng mặt. Đồng thời tại phiên tòa

Hội đồng xét xử nhiều lần phân tích, động viên, hòa giải với mong muốn bà T, ông C đoàn tụ nhưng bà T cho rằng đã hết tình cảm, niềm tin với ông C do ông C nhiều lần không chung thủy nên cương quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà T và ông C không còn tin tưởng nhau (Bà T mất niềm tin vì nhiều lần phát hiện ông C không chung thủy; Ông C cho rằng bà T có quan hệ tình cảm với người đồng giới). Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận từ tháng 3/2020 cho đến nay tuy sống chung nhà nhưng mỗi người ở phòng riêng, không sinh hoạt chung, không giao tiếp nói chuyện, mạnh ai nấy sống cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung tên: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn vì trong thời gian giữa bà T và ông C không còn duy trì quan hệ gia đình, bà T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C không đồng ý ly hôn nhưng nếu trường hợp ly hôn, ông C cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con chung Tuấn P, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 11/01/2022, Toà án đã tiến hành thu thập ý kiến của trẻ P và trẻ P đã có văn bản thể hiện ý kiến muốn được sống chung với mẹ. Mặc dù, ông C cho rằng ý kiến của trẻ P trình bày tại các bản tự khai ngày 11/01/2022 là không khách quan. Tuy nhiên, sau khi Toà án tiến hành lập biên bản làm việc để xác nhận lại ý kiến của trẻ P, bà T, ông C thì ông C cố tình không ký xác nhận vào biên bản làm việc. Cho nên việc ông C cho rằng nguyện vọng của trẻ P muốn được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn được thu thập không khách quan là không có căn cứ.

Xét yêu cầu của bà T về vấn đề nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung Nguyễn Tuấn P cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận việc bà T không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông C cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Do các đương sự không có yêu cầu, không có tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà T, ông C và Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cùng xác nhận hiện bà T, ông C có khoản nợ chung tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018, dư nợ tính đến ngày 24/6/2022 của bà T và ông C của Hợp đồng vay trên là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Ông C, Đại diện Ngân hàng không có tranh chấp, không có yêu cầu về việc giải quyết khoản nợ chung trên.

Ngày 23/3/2022, bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả nợ của bà T và ông C đối với toàn bộ dư nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà T, ông C và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tính đến thời điểm giải quyết vụ án nhưng đến ngày 23/6/2022 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xác định hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 là khoản nợ chung của bà T và ông C, cả hai cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận đã giao kết và rút lại yêu cầu phân chia khoản nợ như đã trình bày tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/3/2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các bên đương sự không có yêu cầu phân chia, không có tranh chấp về khoản nợ chung, việc bà T đề nghị Tòa án xác định đây là nợ chung của bà T và ông C trong thời kỳ hôn nhân và cả hai cùng có trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo lịch trình thanh toán đã thỏa thuận là phù hợp nguyên tắc giải quyết nợ chung trong thời kỳ hôn nhân cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 27, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, yêu cầu của bà T về vấn đề nợ chung là có cơ sở chấp nhận.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả nợ của bà T và ông C đối với toàn bộ dư nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà T, ông C và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Nguyễn Mai T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Mai T được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn C.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Có một con chung tên: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009.

Giao con chung Nguyễn Tuấn P cho bà Lê Nguyễn Mai T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Tuấn C cho đến khi có yêu cầu.

Ông C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C có khoản nợ chung tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà Lê Nguyễn Mai T, ông Nguyễn Tuấn C và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với dư nợ tạm tính đến ngày 24/6/2022 của bà T và ông C của Hợp đồng vay trên là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Bà T và ông C cùng chịu trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo lịch trình thanh toán đã thỏa thuận. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà T về việc chia đôi nghĩa vụ trả nợ của bà T và ông C đối với toàn bộ dư nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà T, ông C và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, ông Nguyễn Tuấn C kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án khách quan, toàn diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Lê Nguyễn Mai T yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Nguyễn Mai T trình bày:

Bà T xin ly hôn ông C do vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm nay, ông C có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, cuộc sống vợ chồng không còn tồn tại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông C.

Về con chung: Bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn P và trẻ P có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn muốn được sống chung với mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên.

Từ những luận cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn C:

Về hình thức:

Ngày 27/7/2022, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H tuyên án. Ngày 10/8/2022 bị đơn ông Nguyễn Tuấn C kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Bị đơn ông C kháng cáo nội dung Bản án sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H, nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố MT, tỉnh TG.

Mâu thuẫn gia đình phát sinh nguyên nhân do ông C nhiều lần có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác dẫn đến việc thường xuyên cãi nhau của hai vợ chồng. Mặc dù, cả hai đã cố gắng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không còn chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống gia đình. Sau khi bà T phát hiện ông C có mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, hai người đã sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay. Hiện nay, dù cả hai sống chung nhà nhưng mỗi người ở phòng riêng, không sinh hoạt chung, không giao tiếp nói chuyện, mạnh ai nấy sống. Tại cấp phúc thẩm, ông C cung cấp chứng cứ là hình ảnh cho rằng bà T chụp hình chung với người tình đồng giới, tuy nhiên hình ảnh chỉ thể hiện là hình ảnh thông thường lúc bà T đi thử đồ và đi chơi với bạn bè cùng phái nữ, không đủ cơ sở để chứng minh bà T có mối quan hệ tình cảm đồng giới. Xét thấy, cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C trầm trọng và quyết định cho ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009.

Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với ông C trình bày nếu phải ly hôn, ông C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay, trẻ P được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T vẫn chăm sóc nuôi dưỡng, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con. Do đó, cấp sơ thẩm quyết định giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào có tranh chấp các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà T và ông C xác nhận có khoản nợ chung tại Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA /44/18/0112 ký ngày 18/5/2018, dư nợ tính đến hết ngày 24/6/2022 là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Bà T yêu cầu Tòa án xác định đây là nợ chung của bà T và ông C trong thời kỳ hôn nhân và cả hai cùng có trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo lịch trình thanh toán

đã thỏa thuận. Bà T, ông C, Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết phân chia nghĩa vụ trả số nợ trên. Cấp sơ thẩm đã ghi nhận về nghĩa vụ trả nợ chung giữa bà T, ông C và Ngân hàng là phù hợp Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Từ những nhận xét nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo quy định tại các Điều 27, Điều 37, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 60, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bởi các lẽ trên; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố H:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn C.
- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn C làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn C và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Nguyễn Mai T tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố MT, tỉnh TG theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 14/10/2009, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T trình bày ông C nhiều lần có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác; đối với ông C trình bày do bà T có quan hệ tình cảm với người đồng giới; Mặc dù hai bên chỉ trình bày, không có chứng cứ chứng minh nhưng đã cho thấy hai bên đã không còn niềm tin với nhau. Hai bên thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, tuy ở chung một nhà nhưng mỗi người ở phòng riêng, sinh hoạt riêng, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều được chia hai cho mỗi người. Qua đó cho thấy bà T và ông C đã không còn tồn tại cuộc sống hôn nhân từ tháng 3/2020 cho đến nay, vợ chồng không còn cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, niềm tin giữa vợ chồng không còn.

Quan hệ hôn nhân được tồn tại và hạnh phúc trên cơ sở tình cảm yêu thương, sự tin tưởng, sự chia sẻ cùng nhau giữa hai vợ chồng; đối với vợ chồng bà T, ông C đã không còn điều này, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C là có và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Song song đó, tại cấp phúc thẩm ông C yêu cầu đoàn tụ với bà T nhưng ông C cũng không đưa ra được phương thức, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ; đối với bà T cương quyết yêu cầu ly hôn ông C; Do đó, cấp sơ thẩm đã Quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với ông C trình bày nếu trường hợp ly hôn, ông C cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, ông C và bà T đều có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét về điều kiện nuôi con của mỗi bên:

Ông C và bà T đều có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Ông, bà đều yêu thương, quan tâm và có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt.

Ông C kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung trẻ Nguyễn Tuấn P, tuy nhiên ông C chỉ trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh bà T không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Trong khi đó, qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong thời gian bà T và ông C không còn duy trì mối quan hệ vợ chồng, bà T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ P cho đến nay, chưa có biểu hiện việc bà T chăm sóc nuôi dưỡng trẻ P không tốt; Song song đó, nguyện vọng của trẻ P mong muốn được sống chung với mẹ. Vì lợi ích của trẻ P, cấp sơ thẩm quyết định giao trẻ P cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông C cho đến khi có yêu cầu của bà T.

[3] Về tài sản chung: Tại cấp phúc thẩm, ông C trình bày nếu Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì ông C yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên yêu cầu của ông C chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Yêu cầu này của ông C đã vượt quá phạm vi và thẩm quyền của cấp phúc thẩm nên không xem xét. Nhằm đảm bảo hai cấp xét xử, ông C có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được

xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nợ chung: Bà T, ông C và Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cùng xác nhận hiện bà T, ông C có khoản nợ chung tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018, dư nợ tính đến ngày 24/6/2022 của bà T và ông C của hợp đồng vay trên là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Tại cấp sơ thẩm, Bà T, ông C và đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ giữa bà T và ông C, không tranh chấp về khoản nợ chung. Tại cấp phúc thẩm, ông C trình bày nếu Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì ông C yêu cầu chia nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên yêu cầu của ông C chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Yêu cầu này của ông C đã vượt quá phạm vi và thẩm quyền của cấp phúc thẩm nên không xem xét. Nhằm đảm bảo hai cấp xét xử, ông C có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại cấp sơ thẩm, bà T yêu cầu xác định đây là nợ chung của bà T và ông C trong thời kỳ hôn nhân và cả hai cùng có trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo lịch trình thanh toán đã thỏa thuận. Cấp sơ thẩm đã ghi nhận bà T và ông C cùng chịu trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo lịch trình thanh toán đã thỏa thuận là phù hợp nguyên tắc giải quyết nợ chung trong thời kỳ hôn nhân cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, phù hợp Điều 27, Điều 37, Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn C.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

[8]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn C.

II. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Nguyễn Mai T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Mai T ly hôn ông Nguyễn Tuấn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyền số 01/2009 ngày 14/10/2009 do Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố MT, tỉnh TG cấp cho bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 10/11/2009.

Giao con chung tên Nguyễn Tuấn P cho bà Lê Nguyễn Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Việc giao nhận con chung tên Nguyễn Tuấn P do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Tuấn C cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Nguyễn Mai T.

Ông Nguyễn Tuấn C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau ly hôn, bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C có khoản nợ chung tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà Lê Nguyễn Mai T, ông Nguyễn Tuấn C và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với dư nợ tạm tính đến ngày 24/6/2022 là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C

cùng chịu trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán số nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo lịch trình thanh toán đã thỏa thuận. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lê Nguyễn Mai T về việc chia đôi nghĩa vụ trả nợ giữa bà Lê Nguyễn Mai T và ông Nguyễn Tuấn C đối với toàn bộ dư nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà Lê Nguyễn Mai T, ông Nguyễn Tuấn C và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Nguyễn Mai T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016095 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Hoàn trả cho bà Lê Nguyễn Mai T số tiền tạm ứng án phí 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016673 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017352 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND QY, TP.H;
- Chi cục THADS QY, TP.H ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn Cường.

II. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 853/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Nguyễn Mai Trang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Mai Trang ly hôn ông Nguyễn Tuấn Cường.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2009 ngày 14/10/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê Nguyễn Mai Trang và ông Nguyễn Tuấn Cường không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn Phong, sinh ngày 10/11/2009.

Giao con chung tên Nguyễn Tuấn Phong cho bà Lê Nguyễn Mai Trang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Việc giao nhận con chung tên Nguyễn Tuấn Phong do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Tuấn Cường cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Nguyễn Mai Trang.

Ông Nguyễn Tuấn Cường có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau ly hôn, bà Lê Nguyễn Mai Trang và ông Nguyễn Tuấn Cường đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà Lê Nguyễn Mai Trang và ông Nguyễn Tuấn Cường có khoản nợ chung tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà Lê Nguyễn Mai Trang, ông Nguyễn Tuấn Cường và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn – Phòng

giao dịch Tân Mỹ với dư nợ tạm tính đến ngày 24/6/2022 là 527.000.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng). Bà Lê Nguyễn Mai Trang và ông Nguyễn Tuấn Cường cùng chịu trách nhiệm liên đới có nghĩa vụ thanh toán số nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo lịch trình thanh toán đã thỏa thuận. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lê Nguyễn Mai Trang về việc chia đôi nghĩa vụ trả nợ giữa bà Lê Nguyễn Mai Trang và ông Nguyễn Tuấn Cường đối với toàn bộ dư nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số NDA/44/18/0112 ký ngày 18/5/2018 giữa bà Lê Nguyễn Mai Trang, ông Nguyễn Tuấn Cường và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn – Phòng giao dịch Tân Mỹ.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Nguyễn Mai Trang phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016095 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Lê Nguyễn Mai Trang số tiền tạm ứng án phí 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016673 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn Cường phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017352 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

